TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2024
V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thơm.
2. Bà Nguyễn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Tuyết N, sinh năm 2000 "vắng mặt".
Địa chỉ cư trú: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 "vắng mặt".
Địa chỉ cư trú: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961"vắng mặt".
Địa chỉ cư trú: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 08/9/2023 nguyên đơn chị Dương Tuyết N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/6/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh vợ chồng chung sống hạnh phúc, quan tâm, chăm sóc nhau. Đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng có tạo cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị Dương Tuyết N, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh Nguyễn Văn T không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm Nều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và nguyên đơn cũng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: đương sự trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Tuyết N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, có địa chỉ ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Dương Tuyết N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa Nều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Tuyết N và anh Nguyễn Văn T kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 14/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhân kết hôn số: 33 và chị N, anh T kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị N cho rằng thời gian vợ chồng chung sống lúc đầu hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay. Chị N xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, việc yêu cầu ly hôn của chị N Tòa án triệu tập tham gia để hòa giải Nều lần nhưng anh T không tham gia. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung: đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Dương Tuyết N.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Dương Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Tuyết N phải nộp 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0004375 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T,
(Giấy kết hôn số: 46, ngày 06/6/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Thị Tuyền